TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 271/2019/HC-PT
Ngày: 18 tháng 10 năm 2019
V/v: "Khiếu kiện quyết định hành chính"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Xuân Trọng;
Các thẩm phán: Ông Thái Duy Nhiệm;
Ông Ngô Hồng Phúc.

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Nhật Phương, cán bộ Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 18 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 31/2019/TLPT-HC ngày 15/01 /2018 về việc *"Khiếu kiện quyết định hành chính"*.

Do bản án Hành chính sơ thẩm số 29/2018/ HC-ST ngày23/11 /2018 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng bị kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 9526/2019/QĐ-PT ngày 30/9/2019, giữa các đương sự:

Người khởi kiện:

- Ông Phạm Văn H (sinh năm 1956), địa chỉ: V, quận N, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- Ông Phạm Đình C (sinh năm 1950), địa chỉ: H, quận L, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- Ông Trần Minh Đ (sinh năm 1944), địa chỉ: P, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng; có mặt.

* Những người đồng khởi kiện gồm ông Quyền Đình H, bà Bùi Thị C, bà Trần Thị Như Y, bà Phạm Thị Thu H, bà Nguyễn Thị T, ông Trần N, ông Nguyễn Toàn T.

Người bị kiện: Ủy ban nhân dân quận H, thành phố Hải Phòng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Bùi Văn C, ông Nguyễn Danh T, ông Lê Khắc G, bà Trần Thị T, Ủy ban nhân dân phường H, quận H,

thành phố Hải Phòng không kháng cáo, không liên quan đến kháng nghị tòa không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các bản tự khai biên bản ghi lời khai; những người khởi kiện thống nhất trình bày:

Năm 1999 ông Lê Khắc G và bà Trần Thị T được ủy ban nhân huyện A cấp Giấy chứng nhận quyền, sử dụng đất nông nghiệp, diện tích cấp cho bà Trần Thị T là 02 sào, cấp cho ông Lê Khắc G 04 sào 03 thước. Năm 2001 bà T chuyển nhượng cho ông Bùi Văn C 01 sào đất ông nghiệp với giá 15 triệu, đồng, ông Lê Khắc G chuyển nhượng chọ ông Bùi Văn C và ông Nguyễn Danh T 02 sào đất nông nghiệp với giá 21 triệu đồng, nhưng cả bà T và ông G đều chưa làm thủ tục tách bìa sang tên cho ông C và ông T. Sau khi ông C và ông T nhận chuyển nhượng số diện tích đất nông nghiệp nêu trên của bà T và ông G tháng 8 năm 2001, UBND xã H thực hiện phân lô có "Biên bản tạm giao đất" cho 84 hộ công dân làm nhà ở. Trong đó có 10 lô đất, mỗi lô có diện tích 102m^2, là toàn bộ diện tích đất mà ông C, T và 08 người thân quen của hai ông này đứng tên, đối với mọi lô đất đều đã nộp 11 triệu đồng cho UBND xã H 10 triệu đồng là tiền lệ phí cấp đất, 01 triệu đồng là tiền đóng góp xây dựng địa phương. Sau khi có "Biên bản tạm giao đất cho công dân làm nhà ở", ông C và ông T đã chuyển nhượng toàn bộ 10 lô đất trên cho 10 hộ dân. Vì là đất tạm giao làm nhà ở nên việc chuyển nhượng những lô đất trên được lập thành "Giấy ủy quyền sử dụng đất" có xác nhận của UBND xã. Sau khi nhận chuyển nhượng 10 lô đất này, các hộ dân nói trên đã quản lý, sử dụng làm nhà, trồng cây lưu niên và trồng màu hàng năm có thực hiện việc đóng thuể cho Nhà nước. Tháng 9 năm 2005, UBND quận H cho phương tiện máy móc vào san ủi toàn bộ nhà, cây lưu niên rau màu của các hộ dân này, mà không thông báo trước bằng văn bản. Qua tìm hiểu, các hộ dân được biết UBND quận H chi trả tiền bồi thường của 10 lô đất nói trên cho ông C và ông T.

Các hộ dân đã ủy quyền cho ông Trần Minh Đ kiến nghị đến UBND quận H.

Ngày 29 tháng 9 năm 2016, UBND quận H đã ban hành Công văn số 1102/UBND-TNMT ngày 29 tháng 9 năm 2016 trả lời có nội dung: "Ông Trần Minh Đ và một số hộ dân không phải là đối tượng sử dụng đất hợp pháp nhà nước thu hồi nên việc yêu cầu bồi thường, bố trí tái định cư là không có cơ sở giải quyết". Vì vậy các hộ dân đồng khởi kiện vụ án hành chính đề nghị:

- Tuyên hủy Công văn số 1102/UBND-TNMT ngày 29 tháng 9 năm 2016 của UBND quận H, thành phố Hải Phòng;

- Buộc UBND quận H thực hiện; việc bồi thường hỗ trợ, tái định, cư cho 10 hộ dân theo đúng quy định của pháp luật.

* Ý kiến của người bị kiện đối với yêu cầu của người khởi kiện và ý kiến tại các buổi đối thoại, quan điểm của người bị kiện như sau: Trong quá trình

thực hiện công tác thu hồi đất, bồi thường, giải phóng mặt bằng Dự án khu Trung tâm hành chính quận theo Quyết định số 2064/QĐ-UBND ngày 06 tháng 9 năm 2005 của UBND thành phố, sau nhiều năm triển khai và thông báo công khai, rộng rãi, trên các phương tiện thông tin đại chúng đến tháng 5 năm 2014 ông G và bà T đã phối hợp với Hội đồng bồi thường quận, UBND phường H thực hiện công tác đo đạc, kiểm đếm 02 thửa đất nông nghiệp thuộc phạm vi dự án. Hỗ trợ cho người sử dụng đất hợp pháp bị thu hồi là bà T và ông G cả hai hộ dân đều đã nhận đủ tiền bồi thường, hỗ trợ, tự nguyện bàn giao mặt bằng toàn bộ diện, tích đất thu hồi và không có kiến nghị, thắc mắc gì. Ông Trần Minh Đ và một số hộ dân có kiến nghị không phải là người được UBND xã H tạm thu tiền, lập biên bản tạm giao đất, không phải là đối tượng sử, dụng đất hợp pháp nhà nước thu hồi, yêu cầu được bồi thường bố trí tái định cư là không có cơ sở giải quyết.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là UBND phường H trình bày: Tại vị trí khu đất ông Trần Minh Đ kiến nghị nằm trong quy hoạch dự án đầu tư san lấp mặt bằng khu Trung tâm hành chính quận H, tháng 5 năm 2014, ông G và bà T đã phối hợp với Hội đồng bồi thường quận H kiểm kê diện tích đất nông nghiệp cả gia đình. Trên cơ sở UBND phường báo cáo nên UBND quận H đã xác định là đất nông nghiệp và đưa về các chủ sử dụng bán đầu đứng tên để thực hiện việc kê khai và lập phương án bồi thường, đồng thời thoái trả tiền các hộ đã nộp để tạm cấp đất về UBND phường để UBND phường trả lại cho các hộ.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, ông Bùi Văn C và ông Nguyễn Văn T trình bày tại bản ghi lời khai như sau: Do chúng tôi đã bán đất cho ông Đ từ cuối năm 2002, việc mua bán đã hoàn tất, nên tôi không còn liên quan đến diện tích đất nêu trên.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị T và ông Lê Khắc G trình bày có nội dung như những người khởi kiện đã nêu.

NBV1 và NBV2 bảo vệ quyền và lợi ích cho người khởi kiện cho rằng Công văn số 1102/UBM –TNMT là trái pháp luật, xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của những người khởi kiện. Công văn số 1102/UBND-TNMT không phải là quyết định hành chính.

NBV3 và NBV4 người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện cho rằng đối tượng khởi kiện là Công văn số 1102/UBND-TNMT ngày 29 tháng 9 năm 2016 của UBND quận H. Nội dung của Công văn này có nội dung mấu chốt là "Ông Trần Minh Đ và một số hộ dân không phải là đối tượng sử dụng đất hợp pháp nhà nước thu hồi nên việc yêu cầu bồi thường, bố trí tái định cư là không có cơ sở giải quyết", Từ đó khẳng định các yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện không có căn cứ chấp nhận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng sau khi phân tích đánh giá một các toàn diện các nội dung có trong vụ kiện đã đề nghị Hội đồng

xét xử căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính, đề nghị bác yêu cầu của người khởi kiện.

Tại bản án Hành chính sơ thẩm số 29/2018/ HC-ST ngày 23/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng:

- Căn cứ vào Điều 30, Điều 32, Điểm a Khoản 2 Điều 116, Điểm b Khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính; Khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản ỷ và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, Xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của những người khởi kiện về các nội dung sau: "Hủy Công văn số 1102/UBND-TNMT ngày 29 tháng 9 năm 2016 của UBND quận H về việc trả lời kiến nghị của ông Trần Minh Đ và một số hộ dân khi thu hồi đất thực hiện Dự án Khu Trung tâm hành chính quận H, tại phường H của UBND quận H, thành phố Hải Phòng và buộc UBND quận H thực hiện việc bồi thường hỗ trợ, tái định cư cho 10 hộ dân chúng tôi theo đúng quy định của pháp luật".

2. Người khởi kiện có quyền khởi kiện vụ án dân sự để giải quyết các tranh chấp trong giao dịch mua bán, chuyển nhượng đất với người có liên quan theo thủ tục tố tụng dân sự.

3. Về án phí: Ông Phạm Văn H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hành chính sơ thẩm nhưng được trừ đi số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo, biên lai thu tiền số 0003966 ngày 23 tháng 10 năm 2017 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

Ông Phạm Đình C phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hành chính sơ thẩm những được trừ đi số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003950 ngày 23 tháng 10 năm 2017 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

Ông Trần Minh Đ phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hành chính sơ thẩm nhưng được trừ đi số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003964 ngày 23 tháng 10 năm 2017 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

Ngoài ra tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí đối với các đương sự khác và thông báo quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm Viện trưởng Viện kiển sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội có quyết định Kháng nghị số 07/KNPT - VC1- HC ngày 21/12/2018 đề nghị xem xét phần liên quan đến với án phí đối với các ông Phạm Văn H, Phạm Đình C, Trần Minh Đ.

Tại phiên tòa ông Trần Minh Đ trình bày ở cấp sơ thẩm ông có xuất trình giấy ủy quyền của những người kiện cho ông. Trong đó có ghi năm sinh của những người khởi kiện. Do không hiểu biết pháp luật và không được hướng dẫn nên ông không biết để đề nghị miễn án phí. Nay Viện trưởng Viện kiểm sát nhân

dân cấp cao tại Hà Nội có quyết định Kháng nghị về phần miễn án phí cho các ông, ông nhất trí và đề nghị HĐXX xét xử chấp nhận miễn án phí cho các ông.

Quan điểm của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ thì các ông Phạm Văn H, Phạm Đình C, Trần Minh Đ là người cao tuổi. Theo Điều 2 Luật Người cao tuổi Việt Nam 2009 quy định: "Người cao tuổi được quy định trong Luật này là công dân Việt Nam từ đủ 60 tuổi trở lên" nên các ông Đ, C và H đủ điều kiện là Người cao tuổi. Theo quy định tại Khoản 2 Điều 10 Luật phí, lệ phí số: 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 (có hiệu lực từ 01/07/2016), Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14, Khoản 2 Điều 19 và Điều 29 Luật Tố tụng hành chính 2015, ông Trần Minh Đ, ông Phạm Đình C và ông Phạm Văn H là đối tượng thuộc diện được miễn, giảm án phí hành chính trong vụ án.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 2 Điều 241 Luật tố tụng hành chính 2015, xét xử phúc thẩm vụ án theo hướng sửa Bản án sơ thẩm hành chính số 29/2018/HC-ST ngày 23/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng theo hướng phân tích trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Hội đồng xét xử sơ thẩm thấy:

- Về tố tụng

[1] Về thẩm quyền: Đối tượng khởi kiện là quyết định hành chính của UBND quận H nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng là đúng theo quy định tại khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Người khởi kiện yêu cầu hủy công văn số 1102/UBND-TNMT ngày 29 tháng 9 năm 2016 vào ngày 24 tháng 9 năm 2017 là còn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

- Do bản án hành chính sơ thẩm số 29/2018/HC-ST ngày 23/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng không bị kháng cáo nhưng bị Viện trưởng Viện kiển sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội kháng nghị phúc thẩm một phần liên quan đến án phí đối với các ông Trần Minh Đ (sinh năm 1944), Phạm Đình C (sinh năm 1950) và Phạm Văn H (sinh năm 1956), thuộc đối tượng cao tuổi. Vì vậy HĐXX chỉ xem xét về nội dung như đã nêu trên.

Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiển sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ và lời trình bày cùng giấy tờ được các ông xuất trình tại phiên tòa HĐXX có căn cứ xác định Tại thời điểm mở phiên tòa xét xử sơ thẩm (23/11/2018), ông Trần Minh Đ (sinh năm 1944) đã 74 tuổi, ông Phạm Đình C (sinh năm 1950) đã 68 tuổi và ông Phạm Văn H (sinh năm 1956) đã 62 tuổi do đó hội đồng xét xử thấy có căn cứ theo Khoản 2 Điều 19 và Điều 29 Luật Tố tụng hành chính 2015, ông Trần

Minh Đ, ông Phạm Đình C và ông Phạm Văn H là đối tượng thuộc diện được miễn, giảm án phí hành chính trong vụ án.

Với phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy có căn cứ chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiển sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ vào khoản 2 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 2 Luật Người cao tuổi Việt Nam 2009 Khoản 2 Điều 10 Luật phí, lệ phí số: 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015, Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14, Khoản 2 Điều 19 và Điều 29 Luật Tố tụng hành chính 2015.

1. Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiển sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Sửa một phần quyết định về án phí tại bản án Hành chính sơ thẩm số 29/2018/HC-ST ngày 23/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng cụ thể như sau:

- Ông Phạm Văn H không phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hành chính sơ thẩm. Hoàn lại cho ông Phạm Văn H 300.000 đồng tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003966 ngày 23 tháng 10 năm 2017 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

- Ông Phạm Đình C không phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hành chính sơ thẩm. Hoàn lại cho ông Phạm Đình C 300.000 đồng tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003950 ngày 23 tháng 10 năm 2017 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

- Ông Trần Minh Đ phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hành chính sơ thẩm. Hoàn lại cho ông Trần Minh Đ 300.000 đồng tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003964 ngày 23 tháng 10 năm 2017 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm số 29/2018/HC-ST ngày 23/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSN cấp cao tại Hà Nội;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- Cục thi hành án thành phố Hải Phòng;
- Các đương sự (theo đ/c);
- Lưu HS, HCTP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Bùi Xuân Trọng